

**DANH SÁCH THI LẠI CẬP NHẬT ĐẾN NGÀY 30/4/2019**

*Chú ý: những sinh viên đã nộp đơn xin thi lại, chưa có tên, theo dõi các lịch thi tiếp theo*

| <b>Mã SV</b> | <b>Họ lót</b> | <b>Tên</b>   | <b>Mã HP</b> | <b>Tên HP</b>                                  | <b>Ngày thi</b> | <b>Buổi thi</b> | <b>Phòng thi</b> |
|--------------|---------------|--------------|--------------|------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------|
| 1461030067   | Lê Tuấn       | Anh          | 191006       | Giáo dục thể chất 3                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1461030067   | Lê Tuấn       | Anh          | 191005       | Giáo dục thể chất 2                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1569010205   | Chu Thị Ngọc  | Anh          | 144005       | LL & PP h.hành b.tượng toán học sơ đẳng cho TE | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1564010078   | Phetchanxay   | Changsingnou | 151050       | Kinh tế vi mô                                  | 13/05/2019      | Sáng            | A5.401           |
| 1561030013   | Nguyễn Đông   | Đông         | 174075       | Lập trình hướng đối tượng                      | 13/05/2019      | Sáng            | A5.401           |
| 1566060008   | Nguyễn Hà     | Đông         | 127052       | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch                    | 20/05/2019      | Chiều           | 1.A6.102         |
| 1563040008   | Đặng Thái     | Đức          | 191006       | Giáo dục thể chất 3                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1569000014   | Vũ Thị        | Hiền         | 125255       | Địa lý tự nhiên đại cương                      | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1664010010   | Nguyễn Đình   | Hiệp         | 191004       | Giáo dục thể chất 1                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1564020068   | Nguyễn Trần   | Hoàn         | 151050       | Kinh tế vi mô                                  | 13/05/2019      | Sáng            | A5.401           |
| 1264030066   | Lê Trọng      | Huân         | 153025       | Kiểm toán căn bản                              | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1364030029   | Chu Thị       | Liên         | 153025       | Kiểm toán căn bản                              | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1563000007   | Bùi Thị Mỹ    | Linh         | 191005       | Giáo dục thể chất 2                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1563000007   | Bùi Thị Mỹ    | Linh         | 191005       | Giáo dục thể chất 2                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 156C700039   | Lê Thị        | Lộc          | 152065       | Thị trường chứng khoán                         | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1561070021   | Vixaipheng    | Mapanya      | 111029       | Hoá đại cương                                  | 10/05/2019      | Sáng            | 1.A1.101         |
| 1361070041   | Nguyễn Vũ Tú  | Nam          | 158012       | Sức bền vật liệu 2                             | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1563000010   | Vũ Thị        | Nguyệt       | 191005       | Giáo dục thể chất 2                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1561030036   | Đoàn Thị Thu  | Phuong       | 174037       | Công nghệ phần mềm                             | 13/05/2019      | Sáng            | A5.401           |
| 156C750029   | Hoàng Thị     | Sen          | 191004       | Giáo dục thể chất 1                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 1466070040   | Hoàng Trường  | Son          | 191004       | Giáo dục thể chất 1                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 177701C506   | Mai Thị       | Thảo         | 132075       | Ngôn ngữ học đối chiếu                         | 08/05/2019      | Sáng            | 1.A5.109         |
| 1563020052   | Mai Thị       | Tuyết        | 191006       | Giáo dục thể chất 3                            | 16/05/2019      | Chiều           | SB-CS chính      |
| 146C710018   | Đặng Quốc     | Việt         | 151050       | Kinh tế vi mô                                  | 13/05/2019      | Sáng            | A5.401           |
| 1568010082   | Hoàng Thị     | Yến          | 197042       | Luật an sinh xã hội                            | 14/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |
| 1568010082   | Hoàng Thị     | Yến          | 199024       | Luật sở hữu trí tuệ                            | 16/05/2019      | Sáng            | 1.A5.217         |